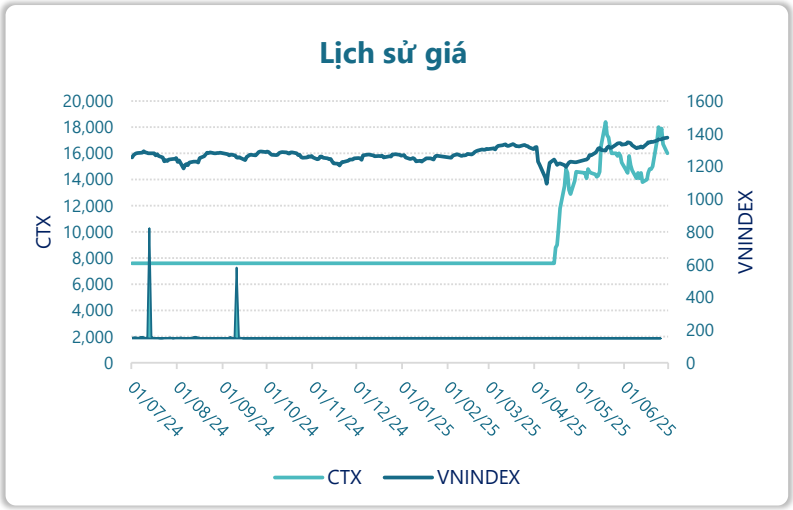
FireAnt

Tổng CTCP Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam (UPCOM: CTX)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,600
SL cổ phiếu LH	78,907,276
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,029,012
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,263
P/E	122.2
EPS	131

DT thuần

Q2/25

42.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.50| 1.1%

YoY: ▲ 6.00| 16.6%

LN sau thuế

Q2/25

-1.48

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.31| -181%

YoY: ▼0.70| -90.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-3.6%

+/- YoY: ▼ 1.6%

DT thuần

6T 2025

83.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.1| 20.4%

LN sau thuế

6T 2025

0.35

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.14| -76.5%

ROE

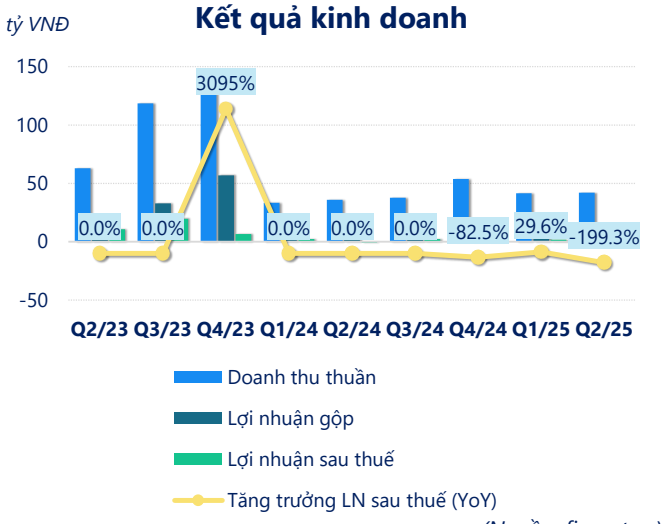
Q2/25

1.0%

+/- YoY: ▼ 1.7%

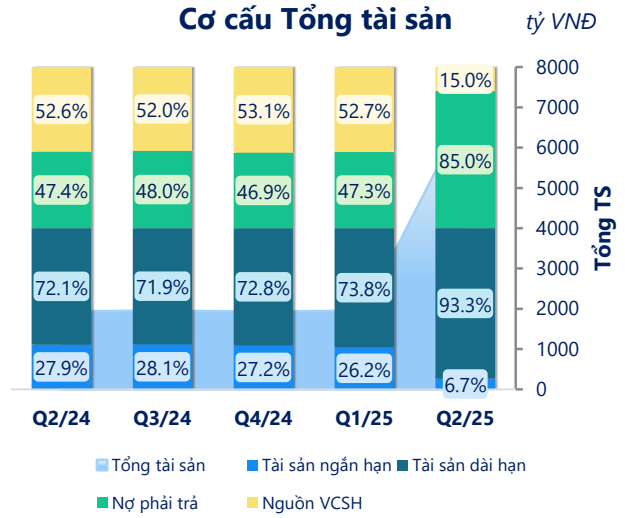
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



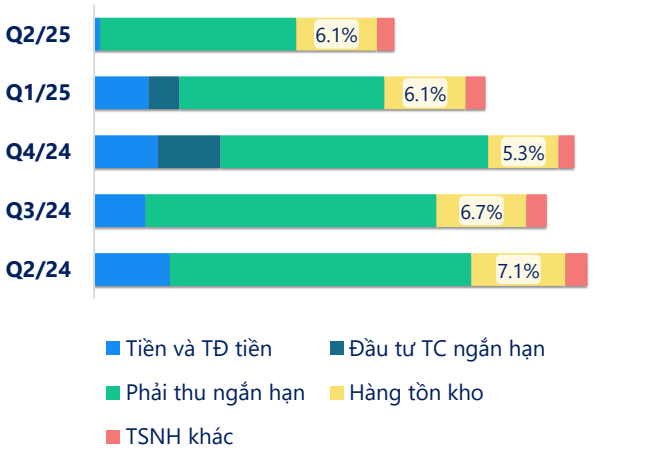
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



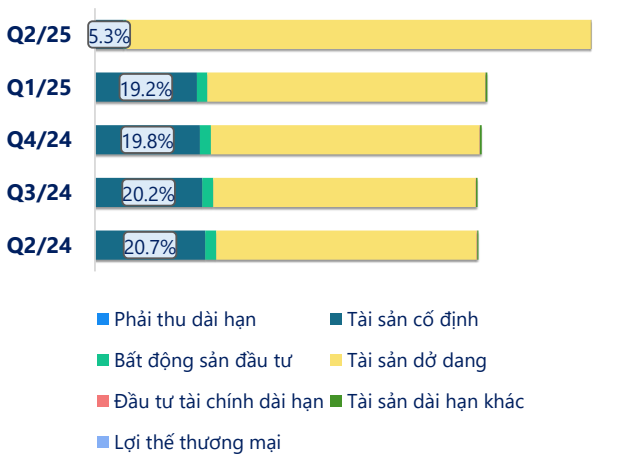
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



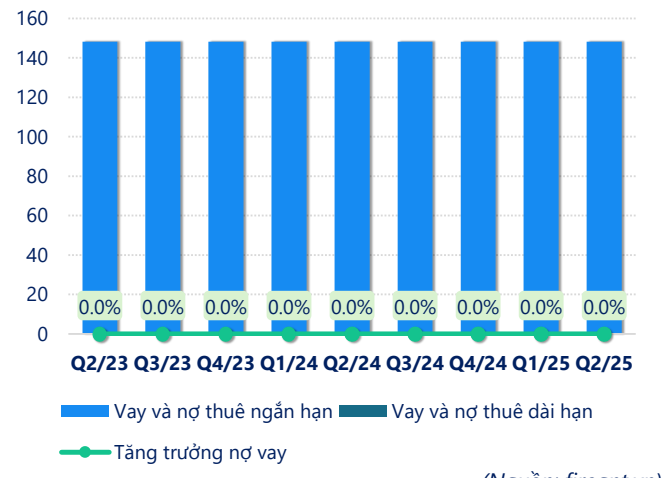
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



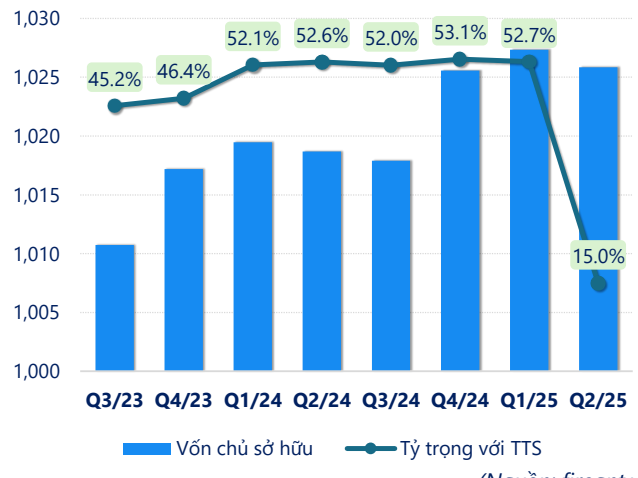
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



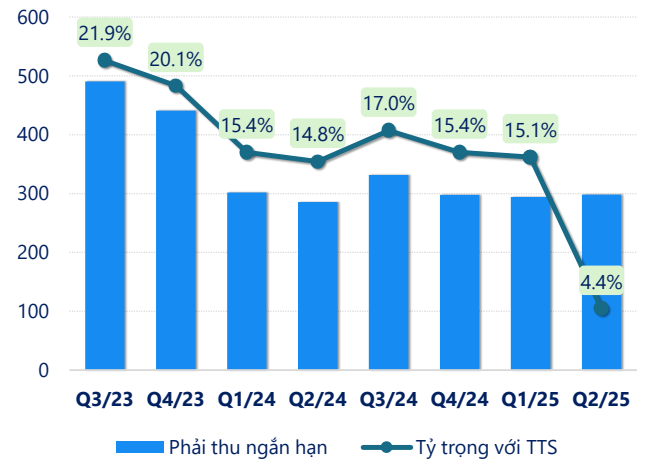
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



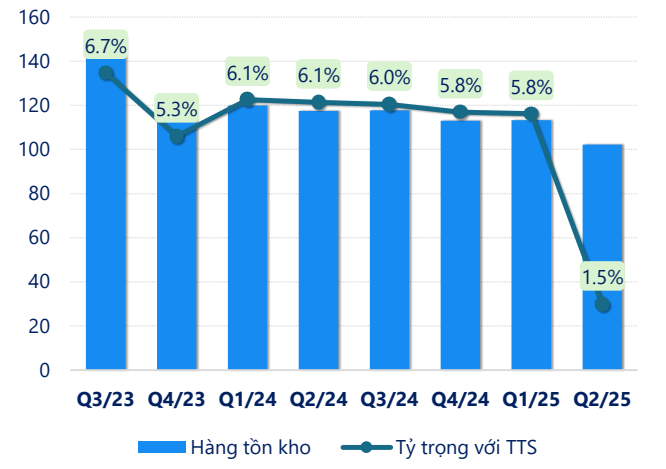
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



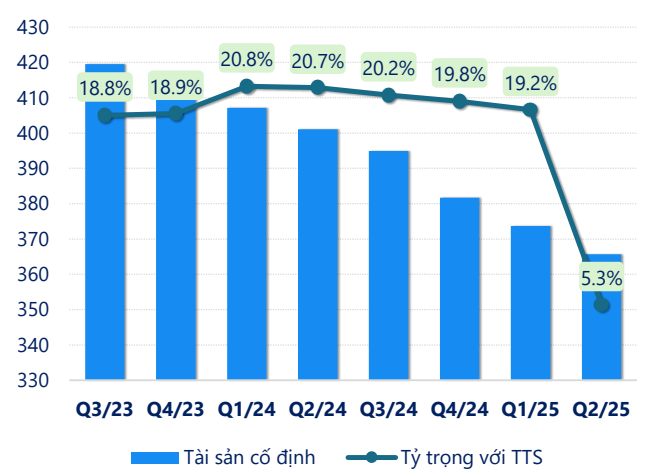
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



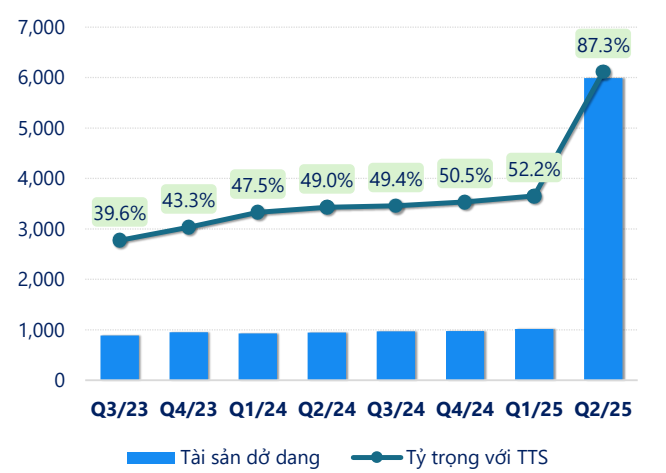
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



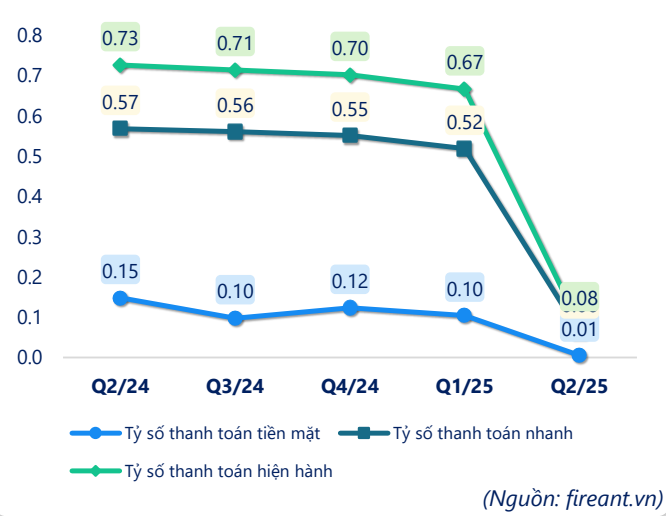
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



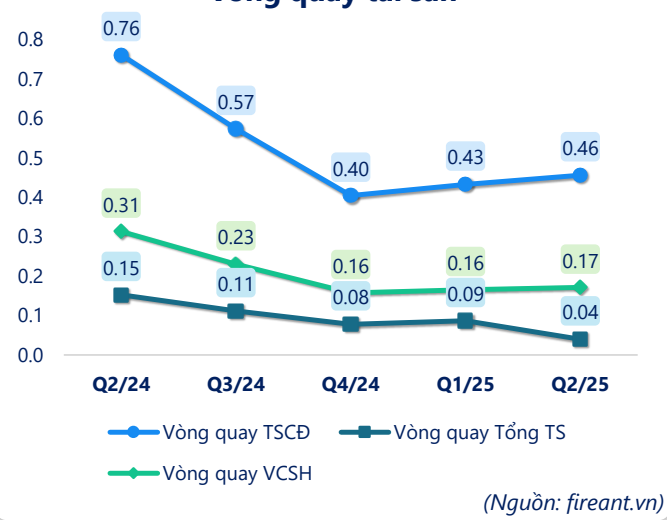
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,936**	**1,956**	**1,932**	**1,951**	**6,857**
Tài sản ngắn hạn	**539**	**549**	**526**	**511**	**457**
Tiền và tương đương tiền	110	75.2	92.7	80.1	29.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.20	0.11	0.13	0.13	0.16
Phải thu ngắn hạn	286	332	298	294	298
Hàng tồn kho	117	118	113	113	102
Tài sản ngắn hạn khác	25.7	24.0	22.9	23.4	27.3
Tài sản dài hạn	**1,396**	**1,408**	**1,406**	**1,440**	**6,400**
Phải thu dài hạn	0.01	0.00	0.00	0.00	0.01
Tài sản cố định	401	395	382	374	366
Bất động sản đầu tư	40.9	40.3	39.8	39.2	38.6
Tài sản dở dang	948	966	976	1,019	5,990
Đầu tư tài chính dài hạn	1.64	1.14	1.32	1.32	1.34
Tài sản dài hạn khác	4.76	5.05	6.72	6.80	4.65
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**917**	**939**	**907**	**924**	**5,831**
Nợ ngắn hạn	**742**	**768**	**750**	**767**	**5,674**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	148	148	148	148	148
Phải trả người bán ngắn hạn	189	190	174	183	170
Nợ dài hạn	175	170	157	157	157
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,019**	**1,018**	**1,026**	**1,027**	**1,026**
Vốn chủ sở hữu	**1,019**	**1,018**	**1,026**	**1,027**	**1,026**
Vốn điều lệ	789	789	789	789	789
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)